

**BÁO CÁO**

**Tổng kết thực hiện Nghị quyết số 39-NQ/TW, ngày 17/4/2015 của Bộ Chính trị về tinh giản biên chế và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức**

-----

Thực hiện Công văn số 411 -CV/BTCTU, ngày 07 tháng 7 năm 2021 của Ban Tổ chức Tỉnh ủy về việc báo cáo tổng kết Nghị quyết 39 -NQ/TW, ngày 17 tháng 4 năm 2015 của Bộ Chính trị về tinh giản biên chế và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; Ban Thường vụ Huyện ủy Đam Rông báo cáo kết quả thực hiện, cụ thể như sau:

Huyện Đam Rông có 08 đơn vị hành chính cấp xã với 53 thôn, dân số trên 55.000 dân, trong đó, đồng bào dân tộc thiểu số chiếm trên 65%, tổng diện tích tự nhiên 87.209,87 ha. Hiện nay, toàn Đảng bộ huyện có 39 tổ chức cơ sở đảng, trong đó có 11 đảng bộ (với 123 chi bộ trực thuộc) và 28 chi bộ cơ sở trực thuộc Huyện ủy với 1.709 đảng viên. Khối hành chính, sự nghiệp có 66 cơ quan, đơn vị trực thuộc (trong đó, cơ quan Huyện ủy có 06 đơn vị trực thuộc; khối Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội có 07 đơn vị; UBND huyện có 13 phòng, ban chuyên môn, 06 đơn vị sự nghiệp và 34 đơn vị trường học trực thuộc). Toàn huyện, hiện nay có 1.583 cán bộ, công chức, viên chức và người lao động hưởng lương từ ngân sách Nhà nước (trong đó: Cấp huyện có 1.214 người, cấp xã có 369 người).

**A. CÔNG TÁC LÃNH ĐẠO, CHỈ ĐẠO, TRIỂN KHAI THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT**

Thực hiện Nghị quyết số 39 -NQ/TW, ngày 17/4/2015 của Bộ Chính trị, Nghị định 108/2014/NĐ-CP của Chính phủ về chính sách tinh giản biên chế và Kế hoạch số 139 -KH/TU, ngày 08/9/2015 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy “*về tinh giản biên chế và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức*”. Ban Thường vụ Huyện ủy Đam Rông đã tổ chức hội nghị cán bộ chủ chốt toàn huyện để học tập, phổ biến, quán triệt Nghị quyết; đồng thời, ban hành Kế hoạch số 19-KH/HU, ngày 26/4/2016 “*về tinh giản biên chế và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức*” để tổ chức triển khai thực hiện đồng bộ trong toàn Đảng bộ huyện; Qua đó, các tổ chức cơ sở đảng trực thuộc Huyện ủy, các cơ quan, đơn vị đã tổ chức học tập, quán triệt đến toàn thể cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức và người lao động trong cơ quan, đơn vị, địa phương mình và xây dựng kế hoạch để tổ chức thực hiện.

Đặc biệt, ngay sau khi Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII ban hành Nghị quyết 18-NQ/TW “về một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả”; Nghị quyết 19-NQ/TW “về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập”, Tỉnh ủy ban hành Kế hoạch số 48, 49-KH/TU; Ban Thường vụ Huyện ủy đã tổ chức Hội nghị cán bộ chủ chốt trong toàn huyện để quán triệt, triển khai thực hiện với 200 đồng chí tham gia; toàn huyện mở được 17 lớp với 1.930 cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức, chiến sĩ lực lượng vũ trang, chức sắc tôn giáo tham gia, trong đó tỷ lệ đảng viên tham gia đạt trên 90%. Đồng thời, xây dựng và ban hành Kế hoạch số 59-KH/HU, ngày 31/5/2018 để cụ thể hóa Nghị quyết của Trung ương, Kế hoạch của Tỉnh ủy phù hợp với tình hình thực tế địa phương và chỉ đạo thực hiện thống nhất trong toàn Đảng bộ huyện; trong đó, đã xác định rõ nhiệm vụ thường xuyên, nhiệm vụ theo lộ trình, tiến độ thực hiện, phân công rõ trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị, địa phương trong quá trình triển khai thực hiện.

Nhìn chung, việc triển khai, quán triệt, cụ thể hóa Nghị quyết số 39-NQ/TW và Nghị quyết số 18-NQ/TW của Trung ương, gắn với công tác kiểm tra, giám sát việc tổ chức thực hiện Nghị quyết được Huyện ủy, Ban Thường vụ Huyện ủy thường xuyên quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo. Qua tiếp thu, quán triệt Nghị quyết và kế hoạch của Tỉnh ủy, Huyện ủy, nhận thức của các cấp ủy đảng, cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức, người lao động được nâng lên và nhất trí cao với quan điểm, chủ trương nêu trong các nghị quyết.

## **B. KẾT QUẢ THỰC HIỆN**

### **I. Về sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy**

**1. Một số kết quả cụ thể về sắp xếp tổ chức bộ máy** (so sánh tăng, giảm tại thời điểm 20/6/2021 với thời điểm 30/4/2015)

**1.1. Tổ chức bộ máy các cơ quan Đảng, Mặt trận tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội ở địa phương**

**1.1.1. Các cơ quan hành chính:**

Giữ nguyên số lượng so với thời điểm 30/4/2015, cụ thể như sau:

+ Số lượng cơ quan chuyên trách, tham mưu, giúp việc cấp ủy gồm: 05 đơn vị (Ban Tổ chức Huyện ủy, Ban Dân vận Huyện ủy, Ban Tuyên giáo Huyện ủy, Ủy ban Kiểm tra Huyện ủy, Văn phòng Huyện ủy).

+ Tổng số các cơ quan Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội gồm: 05 đơn vị (Ủy ban MTTQ Việt Nam huyện, Hội Liên hiệp phụ nữ, Hội Nông dân, Hội Cựu chiến binh, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh).

**1.1.2. Đơn vị sự nghiệp công lập**

- Đơn vị sự nghiệp trực thuộc cấp ủy cấp huyện: 01 đơn vị là Trung tâm Chính trị huyện, giữ nguyên so với thời điểm 30/4/2015.

## **1.2. Tổ chức bộ máy các cơ quan của Nhà nước ở địa phương**

### **1.2.1. Về cơ quan hành chính**

+ Số lượng cơ quan chuyên môn trực thuộc UBND huyện gồm: 13 đơn vị (Văn phòng HĐND&UBND, phòng Nội vụ, phòng Tư pháp, phòng Giáo dục & Đào tạo, Thanh tra, phòng Kinh tế - Hạ tầng, phòng TN-MT, phòng Nông nghiệp & PTNT, phòng Tài chính - Kế hoạch, phòng Dân tộc, phòng LĐTB&XH, phòng Y tế, phòng Văn hóa và Thông tin), giữ nguyên so với thời điểm 30/4/2015. Hiện nay, UBND huyện đã xây dựng Đề án trình UBND tỉnh xem xét giải thể Phòng Y tế huyện.

+ Các Ban của HĐND huyện gồm: 03 ban (Ban Kinh tế - xã hội, Ban Pháp chế, Ban Dân tộc), tăng với thời điểm 30/4/2015 do thành lập mới theo Luật Tổ chức chính quyền địa phương.

### **1.2.2. Về đơn vị sự nghiệp:**

+ Đơn vị trực thuộc UBND huyện gồm: 38 đơn vị, trong đó có 32 đơn vị sự nghiệp giáo dục; 01 đơn vị thuộc lĩnh vực văn hóa, thông tin; 01 đơn vị thuộc lĩnh vực dạy nghề và 04 đơn vị sự nghiệp khác, giảm 03 đơn vị so với thời điểm 30/4/2015.

## **2. Đánh giá kết quả thực hiện**

Trên cơ sở Kế hoạch của Huyện ủy, cấp ủy cơ sở, các ngành, các địa phương đã vận dụng xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện ở địa phương, cơ quan, đơn vị mình, đề ra các mục tiêu, lộ trình theo từng năm và qua các giai đoạn từ nay đến năm 2020, 2020-2025, 2025-2030. Trọng tâm là: Rà soát quy mô, chức năng, nhiệm vụ và biên chế của các cấp, các ngành trực thuộc, nhất là rà soát quy mô diện tích, dân số ở các xã, thôn; rà soát xác định các đơn vị có chức năng, nhiệm vụ tương đồng để hợp nhất hoặc thí điểm hợp nhất, áp dụng nhiều giải pháp đồng bộ để tinh giản biên chế, tinh gọn bộ máy. Kết quả đạt được, cụ thể như sau:

- Đối với các cơ quan chuyên môn thuộc UBND huyện: Căn cứ Nghị định số 37/2014/NĐ-CP ngày 05/05/2014 của Chính phủ “*quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc UBND huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh*” và các Thông tư hướng dẫn; Ban Thường vụ Huyện ủy đã chỉ đạo UBND huyện thực hiện nghiêm các quy định đã được sửa đổi, bổ sung hoặc mới ban hành liên quan đến đổi mới, sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy các cơ quan của chính quyền địa phương, đảm bảo đồng bộ, thống nhất và nâng cao hiệu lực, hiệu quả. Trên cơ sở đó, để triển khai Nghị định số 108/2020/NĐ-CP về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2014/NĐ-CP ngày 05 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ

quan chuyên môn thuộc UBND huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; UBND huyện đã rà soát và căn cứ vào tình hình thực tế về lĩnh vực y tế trên địa bàn huyện, xây dựng Đề án trình UBND tỉnh xem xét không tổ chức riêng Phòng Y tế là cơ quan chuyên môn thuộc huyện và chuyển giao chức năng, nhiệm vụ quản lý Nhà nước về ngành, lĩnh vực y tế cho Văn phòng HĐND&UBND huyện Đam Rông quản lý.

+ Bố trí, sắp xếp tinh gọn lại bộ phận kế toán tại các phòng, ban: Từ 12 công chức làm công tác kế toán năm 2015 đến nay chỉ còn 06 công chức làm công tác kế toán.

- Về việc sắp xếp, tinh gọn các đơn vị sự nghiệp công lập, cụ thể như sau:

+ Đối với đơn vị sự nghiệp giáo dục và đào tạo: UBND huyện đã ban hành quyết định thành lập Trường Tiểu học Đạ M'Rông trên cơ sở sáp nhập Trường Tiểu học Dong Jri và Trường Tiểu học Đạ M'Rông. Sáp nhập được 04 điểm trường vào các trường chính (thực hiện năm 2018), theo đó đã giảm được 01 trường. Hiện nay, đã chỉ đạo UBND huyện xây dựng Đề án sắp xếp, tổ chức lại một số đơn vị trường học trình UBND tỉnh phê duyệt, cụ thể: Giải thể và sáp nhập Trường Tiểu học Đa Ninh xã Đa Tông vào Trường Tiểu học Đa Kao xã Đa Tông (thực hiện trong quý III/2022), sáp nhập Trường Mầm non Rô Men vào Trường Mầm non Bằng Lăng (thực hiện trong quý III/2024) và sắp xếp lại một số điểm trường chính; theo đó, sau khi sắp xếp sẽ giảm thêm 02 trường.

+ Đối với đơn vị sự nghiệp khác: Thực hiện theo Kế hoạch và chỉ đạo của UBND tỉnh Lâm Đồng, UBND huyện Đam Rông đã xây dựng Đề án số 01/ĐA-UBND về thành lập Trung tâm Quản lý và Khai thác công trình công cộng trên cơ sở sáp nhập Trung tâm Quản lý và Khai thác công trình công cộng và Trung tâm phát triển Quỹ đất. Sau khi thẩm định Đề án, UBND tỉnh Lâm Đồng đã ban hành Quyết định số 2436/QĐ-UBND ngày 26/11/2018 về việc sáp nhập Trung tâm Phát triển quỹ đất vào Trung tâm Quản lý và Khai thác công trình công cộng, nay là Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng và công trình công cộng huyện. Đề án số 02/ĐA-UBND về thành lập Trung tâm Văn hóa, thông tin và thể thao trên cơ sở sáp nhập Đài Truyền thanh - Truyền hình và Trung tâm Văn hóa – thể dục, thể thao huyện. Sau khi thẩm định Đề án, UBND tỉnh Lâm Đồng đã ban hành Quyết định số 1783/QĐ-UBND ngày 10/9/2018 về việc thành lập Trung tâm Văn hóa, thông tin và thể thao. Theo đó đã giảm được 02 đơn vị.

- Về mức tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập:

+ Các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc UBND huyện Đam Rông đều do ngân sách nhà nước đảm bảo chi thường xuyên, không đáp ứng đủ điều kiện để thực hiện việc chuyển đổi sang đơn vị tự chủ chi thường xuyên và chi đầu tư.



+ Đối với trường hợp của Ban QLDA ĐTXD và CTCC huyện Đam Rông: Tại quyết định thành lập, được quy định là đơn vị hoạt động theo cơ chế tự chủ về tài chính, tự đảm bảo chi thường xuyên. Tuy nhiên, đến thời điểm hiện tại, cơ chế hoạt động của Ban QLDA ĐTXD và CTCC huyện Đam Rông vẫn là tự bảo đảm một phần chi thường xuyên, không thể thực hiện chuyển đổi. Lý do: Các nguồn thu sự nghiệp của đơn vị thấp (thu từ nguồn vệ sinh môi trường, thủy lợi và dịch vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng ...), không đủ để đảm bảo được kinh phí hoạt động thường xuyên.

- Về việc triển khai thực hiện việc sáp nhập các thôn: Năm 2020, huyện Đam Rông đã tiến hành sáp nhập đối với một số thôn chưa đủ điều kiện theo quy định, qua đó đã giảm được 03 thôn so với năm 2017, hiện nay còn 53 thôn.

## **II. Về thực hiện tinh giản biên chế**

**1. Một số kết quả cụ thể về tinh giản biên chế** (tại thời điểm 30/6/2021 so với thời điểm 30/4/2015)

### ***1.1. Biên chế các cơ quan Đảng, Mặt trận tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội ở địa phương***

Tổng số biên chế thực tế (*số người hưởng lương từ ngân sách nhà nước*) có tại thời điểm 30/6/2021 là 50 người (trong đó có 04 hợp đồng lao động theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP), giảm so với số thực tế tại thời điểm 30/4/2015 là 17 người (*tỷ lệ 25,4%*); tổng số biên chế được giao năm 2021 là 56 người (trong đó có 52 biên chế và 04 hợp đồng lao động theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP), giảm so với số biên chế được giao năm 2015 là 12 người (*tỷ lệ 17,6%*).

- Cơ cấu đội ngũ cán bộ, công chức về số lượng, ngạch bậc, chuyên môn, nghiệp vụ, lý luận chính trị, độ tuổi, giới tính dân tộc: (*Theo biểu mẫu 06 kèm theo*).

- Tình hình biến động về biên chế:

+ Số công chức, viên chức được tuyển mới: 05 người (tuyển dụng 03 người, xét tuyển 02 người).

+ Số người nghỉ hưu theo chế độ lao động: 01 người.

+ Số người nghỉ theo chính sách tinh giản biên chế: 03 người.

### ***1.2. Biên chế các cơ quan của Nhà nước***

#### ***1.2.1. Biên chế hành chính***

Tổng số biên chế thực tế (*số người hưởng lương từ ngân sách nhà nước*) hiện có 87 người; giảm so với số thực tế tại thời điểm 30/4/2015 là 29 người (*tỷ lệ 25%*); tổng số biên chế được giao năm 2021 là 92 người, giảm so với biên chế được giao năm 2015 là 08 người (*tỷ lệ 0,8%*).

- Hợp đồng lao động theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP: Số được giao qua các năm là 04 hợp đồng lao động; số có mặt tại thời điểm 30/6/2021: 04 lao động.

- Cơ cấu đội ngũ cán bộ, công chức về số lượng, ngạch bậc, chuyên môn, nghiệp vụ, lý luận chính trị, độ tuổi, giới tính dân tộc: *(Theo biểu mẫu 06 kèm theo)*.

#### 1.2.2. Số người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập

- Tổng số người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập *(hưởng lương từ ngân sách nhà nước)* hiện có: 1.077 người, giảm so với số thực tế tại thời điểm 30/4/2015 là 43 người *(tỷ lệ 3,8%)*; số biên chế viên chức được giao năm 2021 là 1.080 người, giảm so với số được giao năm 2015 là 52 người, *(tỷ lệ 4,6%)*, trong đó:

+ Sự nghiệp Giáo dục: Tổng số hiện có là 954 người, giảm so với số thực tế tại thời điểm 30/4/2015 là 24 người *(tỷ lệ 2,5%)*; số biên chế viên chức được giao năm 2021 là 954 người, giảm so với số được giao năm 2015 là 36 người, *(tỷ lệ 3,6%)*.

+ Sự nghiệp khác: Tổng số hiện có là 123 người, giảm so với số thực tế tại thời điểm 30/4/2015 là 19 người *(tỷ lệ 13,4%)*; số biên chế viên chức được giao năm 2021 là 126 người, giảm so với số được giao năm 2015 là 16 người, *(tỷ lệ 11,3%)*.

- Về cơ cấu đội ngũ viên chức về số lượng, chức danh nghề nghiệp, trình độ đào tạo, lý luận chính trị, độ tuổi, giới tính dân tộc: *(Theo biểu mẫu 07 kèm theo)*.

- Số lượng biên chế viên chức trong các đơn vị sự nghiệp công lập đã chuyển đổi sang cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm và xã hội hóa, thay thế nguồn trả lương từ ngân sách nhà nước bằng việc trả lương từ nguồn thu sự nghiệp: Không có

#### 1.2.3. Đội ngũ cán bộ, công chức, người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã và ở thôn, tổ dân phố (thời điểm 20/6/2021 so với thời điểm 30/4/2015)

- Số cán bộ cấp xã hiện có 83 người, giảm 11 người *(tỷ lệ 11,7%)*.

- Số công chức cấp xã hiện có 85 người, giảm 11 người *(tỷ lệ 11,5%)*.

- Số người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã hiện có 78 người, giảm 79 người *(tỷ lệ 50,6%)*; số người hoạt động không chuyên trách ở thôn hiện có 123 người, giảm 33 người *(tỷ lệ 21,2%)*.

#### 1.2.4. Biến động về biên chế

- Số công chức, viên chức được tuyển mới (thời điểm 20/6/2021 với thời điểm 30/4/2015).

- Số người nghỉ hưu theo chế độ lao động (thời điểm 20/6/2021 với thời điểm 30/4/2015).

- Số người nghỉ theo chính sách tinh giản biên chế (thời điểm 20/6/2021 với thời điểm 30/4/2015).

- Số công chức, viên chức được tuyển mới từ 30/4/2015 đến nay:

+ Số lượng công chức được tuyển dụng qua kỳ thi công chức tỉnh Lâm Đồng được phân công công tác tại huyện Đam Rông từ 2015 đến nay: 14 người.

+ Số lượng viên chức được tuyển dụng tại các đơn vị sự nghiệp: 418 người, cụ thể: Năm 2017: 246 người, năm 2018: 184 người, năm 2021: 88 người.

- Số người nghỉ hưu theo chế độ lao động từ 30/4/2015 đến thời điểm 30/6/2015: 33 người

- Số người nghỉ theo chính sách tinh giản biên chế từ 30/4/2015 đến thời điểm 30/6/2015: 48 người, cụ thể:

+ Tại các cơ quan chuyên môn trực thuộc UBND huyện: 03 người

+ Tại các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc: 29 người

+ Tại UBND các xã: 16 người

## **2. Đánh giá việc thực hiện tinh giản biên chế**

- Thực hiện Nghị quyết 39-NQ/TW của Bộ Chính trị, Ban Thường vụ Huyện ủy đã lãnh đạo, chỉ đạo các cơ quan, đơn vị xây dựng kế hoạch, đề án tinh giản biên chế theo lộ trình từ năm 2015 đến hết năm 2021 và từng năm trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt để tổ chức thực hiện. Trong đó, phải xác định tỉ lệ tinh giản biên chế đến năm 2021 tối thiểu là 10% trong tổng số biên chế được giao năm 2015 của đơn vị. Kết quả thực hiện cụ thể như sau: Tính đến ngày 30/6/2021, tổng số người làm việc hưởng lương và phụ cấp từ ngân sách nhà nước trong toàn huyện là 1.583 người, giảm 222 người (chiếm 12,3%) so với số được giao tại thời điểm 30/4/2015. Trong đó, công chức cấp huyện giảm 35 người (*khối Đảng – Đoàn thể giảm 17 người (chiếm 25%); khối chính quyền giảm 17 người (chiếm 16,8%)*); viên chức giảm 58 người (*khối Giáo dục giảm 36 người (chiếm 3,6%), sự nghiệp khác giảm 22 người (chiếm 15,5%)*); cán bộ, công chức cấp xã giảm 22 người (chiếm 11,6%); người hoạt động chuyên trách ở cấp xã và thôn giảm 115 người (chiếm 24%), trong đó cấp xã giảm 79 người (chiếm 50,6%), cấp thôn giảm 33 người (chiếm 21,2%). Đồng thời, chấm dứt hợp đồng làm công tác chuyên môn, nghiệp vụ đối với các cơ quan hành chính từ tháng 1/2019.

- Trên cơ sở các văn bản hướng dẫn, chỉ đạo của cấp trên, Huyện ủy, UBND huyện đã chỉ đạo các cơ quan, đơn vị trực thuộc bám sát chức năng, nhiệm vụ xây dựng Đề án vị trí việc làm, bản mô tả công việc theo từng chức danh, cơ cấu ngạch công chức, phù hợp với năng lực, sở trường công tác của từng cán bộ, công chức, viên chức, đảm bảo khoa học, sát thực. Đồng thời, trên cơ sở Đề án vị trí việc làm đã được phê duyệt, chủ động xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng để từng bước chuẩn hóa đội ngũ công chức theo vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức và sắp xếp, bố trí công chức cho phù hợp với trình độ chuyên môn và ngành nghề đào tạo. Đến nay, hầu hết các cơ quan, đơn vị đã bố trí cán bộ, công chức, viên chức làm việc

theo đúng vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức, đảm bảo thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ được giao. Hiện nay, toàn huyện còn 04 đồng chí có trình độ chuyên môn Trung cấp và Cao Đẳng chưa phù hợp với vị trí việc làm (Khối Đảng – Đoàn thể: 01 đồng chí, UBND huyện 03 đồng chí), tất cả 04 đồng chí trên đều đang theo học Đại học để chuẩn hóa theo quy định.

- Chỉ đạo các địa phương, cơ quan, đơn vị thực hiện nghiêm việc quản lý biên chế thống nhất của hệ thống chính trị theo quy định. Hàng năm, chỉ đạo Ban Tổ chức Huyện ủy phối hợp với Phòng Nội vụ rà soát báo cáo UBND huyện, Ban Thường vụ Huyện ủy về tình hình biên chế và định hướng bố trí biên chế cho cả hệ thống chính trị.

- Công tác tuyển dụng được UBND huyện thực hiện đảm bảo theo đúng quy định của Luật Cán bộ, công chức 2018; Luật Viên chức năm 2010; các Nghị định của Chính phủ, Thông tư hướng dẫn của Bộ Nội vụ và các văn bản hướng dẫn của Sở Nội vụ. Việc tuyển dụng công chức cấp xã, viên chức đơn vị sự nghiệp công lập đảm bảo số lượng người làm việc, chỉ tiêu biên chế được giao; đảm bảo tiêu chuẩn, vị trí việc làm, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của từng cơ quan, đơn vị.

- Về việc chuyển đổi số người làm việc tại các đơn vị sự nghiệp công lập sang cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm và xã hội hóa, thay thế nguồn trả lương từ ngân sách nhà nước bằng việc trả lương từ nguồn thu sự nghiệp: Huyện Đam Rông hiện nay chưa có đơn vị nào thực hiện.

### **3. Về nguồn kinh phí thực hiện tinh giản biên chế**

- Về nguồn kinh phí để thực hiện tinh giản biên chế: Tổng kinh phí thực hiện chi trả cho cán bộ, công chức, viên chức được nghỉ chính sách theo Nghị định số 108/2014/NĐ-CP và Nghị định số 113/2018/NĐ-CP của Chính phủ là **4.016.356.728 đồng** (bốn tỷ không trăm mười sáu triệu ba trăm năm mươi sáu nghìn bảy trăm hai mươi tám đồng). Cụ thể như sau:

+ Năm 2015: 432.757.604 đồng.

+ Năm 2016: 1.132.794.537 đồng.

+ Năm 2017: 1.195.733.352 đồng.

+ Năm 2018: 518.897.020 đồng.

+ Năm 2019: 383.731.031 đồng.

+ Năm 2020: 249.522.153 đồng.

+ 6 tháng đầu năm 2021: 1.3.927.032 đồng.

- Việc thực hiện khoán kinh phí chi trả phụ cấp để khuyến khích giảm số lượng

những người hoạt động không chuyên trách và tăng thu nhập của cán bộ, công chức cấp xã theo tinh thần Kết luận số 64-KL/TW, ngày 28/5/2013 của Ban Chấp hành Trung ương khóa XI: Thực hiện theo Nghị định số:34/2019/NĐ-CP, ngày 24/4/2019 của Chính phủ về “sửa đổi, bổ sung một số quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố”.

### **III. Về xây dựng cơ cấu đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức và nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý biên chế**

#### **1. Về xây dựng cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức**

- Ban Thường vụ Huyện ủy thường xuyên quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo việc sắp xếp, cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức theo ngạch, chức danh nghề nghiệp, vị trí việc làm, trình độ đào tạo ở các địa phương, cơ quan, đơn vị trên cơ sở rà soát, đánh giá hiệu quả hoạt động của từng cán bộ, công chức, viên chức; qua đó, kịp thời điều chỉnh, sắp xếp, phân công lại những trường hợp cán bộ, công chức, viên chức chưa hợp lý và tinh giản biên chế đối với những trường hợp không đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ. Đồng thời, thực hiện tuyển dụng mới công chức, viên chức bảo đảm tiêu chuẩn, trình độ chuyên môn, ngành nghề đào tạo và phù hợp với tiêu chuẩn chức danh, vị trí việc làm cần tuyển dụng. Đến thời điểm 30/6/2021, đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức toàn huyện có cơ cấu theo ngạch, chức danh, nghề nghiệp, vị trí việc làm và trình độ đào tạo phù hợp với chức năng, nhiệm vụ; về cơ cấu theo giới tính, người dân tộc thiểu số, cụ thể như sau:

*Đối với cán bộ, công chức trong các cơ quan hành chính:*

+ Cơ cấu theo ngạch công chức: Chuyên viên chính và tương đương: 18 người (tỷ lệ 13,2%; Chuyên viên và tương đương: 95 người (tỷ lệ 69,9%); cán sự và tương đương: 15 người (tỷ lệ 11%); nhân viên và tương đương: 08 người (tỷ lệ 5,9%).

+ Cơ cấu theo vị trí việc làm: VTVL lãnh đạo, quản lý 58 người (tỷ lệ 42,6%); VTVL nghiệp vụ, chuyên môn 58 người (tỷ lệ 43,4%); VTVL hỗ trợ, phục vụ 19 người (tỷ lệ 13,8%);

+ Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ: 21 người (tỷ lệ 15,4%); Đại học: 96 người (tỷ lệ 70,6%); Cao đẳng: 05 người (tỷ lệ 3,7%); khác: 12 người (tỷ lệ 8,8%)

+ Cơ cấu nữ: 43 người (tỷ lệ 31,6%); dân tộc thiểu số 16 người (tỷ lệ 11,7%).

*Đối với viên chức và người lao động các đơn vị sự nghiệp:*

+ Cơ cấu theo chức danh nghề nghiệp: Hạng II: 04 người (tỷ lệ 0,4%; Hạng III: 646 người (tỷ lệ 60%); Hạng IV: 427 người (tỷ lệ 39,6%).

+ Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ: 08 người (tỷ lệ 0,7%); Đại học: 747 người (tỷ lệ 69,4%); Cao đẳng: 225 người (tỷ lệ 21%); khác: 97 người (tỷ lệ 9%)

+ Cơ cấu nữ: 743 người (tỷ lệ 69%); dân tộc thiểu số 229 người (tỷ lệ 21,3%).

- Việc bổ nhiệm các chức danh lãnh đạo, quản lý được thực hiện theo đúng thẩm quyền, chú trọng việc xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp có phẩm chất, năng lực, uy tín, đáp ứng yêu cầu trong thời kỳ mới.

- Quan tâm chỉ đạo giải quyết kịp thời, chính xác chế độ, chính sách đối với cán bộ chuyên trách cấp xã khi hết nhiệm kỳ mà không đủ điều kiện tái cử.

- Tích cực đẩy mạnh thực hiện kiêm nhiệm đối với một số chức danh của cán bộ, công chức từ huyện đến cấp xã, nhất là kiêm nhiệm đối với các chức danh cán bộ không chuyên trách ở cấp xã và ở thôn, cụ thể:

+ Đối với cấp huyện: Đã thực hiện mô hình Trưởng Ban Dân vận Huyện ủy đồng thời là Chủ tịch Ủy ban MTTQ Việt Nam huyện; Trưởng Ban Tuyên giáo Huyện ủy kiêm Giám đốc Trung tâm Chính trị huyện và Kế toán Huyện ủy kiêm Kế toán Trung tâm Chính trị huyện. UBND huyện bố trí, sắp xếp tinh gọn lại bộ phận kế toán tại các phòng ban: từ 12 công chức làm công tác kế toán năm 2015 đến nay chỉ còn 06 công chức làm công tác kế toán (giảm 06 công chức).

+ Đối với cấp xã: Lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện tinh giản đội ngũ cán bộ không chuyên trách cấp xã bằng các biện pháp cụ thể như: Phó Bí thư Đảng ủy xã kiêm Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy xã (8/8 xã thực hiện); Phó Chủ tịch Ủy ban MTTQ VN xã kiêm trưởng hoặc phó một trong năm phó các đoàn thể còn lại (4/8 xã thực hiện); Phó Chủ tịch Ủy ban MTTQ VN xã kiêm Trưởng Ban Tổ chức xã, Trưởng Ban Tuyên giáo, Quản lý Nhà văn hóa... (4/8 xã thực hiện); Phó Bí thư đoàn Thanh niên kiêm Phó Chủ tịch Hội LHPN xã; Phó Chủ tịch Hội Cựu chiến binh xã kiêm Chủ tịch Hội người cao tuổi; Cán bộ Tổ chức kiêm Tuyên giáo hoặc Văn phòng Đảng ủy kiêm Tổ chức, Tuyên giáo...; theo đó đã giảm được 79 người hoạt động không chuyên trách cấp xã so với năm 2015.

+ Đối với cấp thôn, Ban Thường vụ Huyện ủy chỉ đạo thực hiện mạnh mẽ chủ trương Bí thư chi bộ thôn kiêm Trưởng thôn hoặc Trưởng ban công tác Mặt trận thôn (đến nay có 36/53 thôn thực hiện); theo đó, đã giảm được 33 người hoạt động không chuyên trách cấp thôn so với năm 2015.

- Tiếp tục duy trì, chỉ đạo thực hiện có hiệu quả mô hình bí thư cấp ủy đồng thời là Chủ tịch HĐND xã, Bí thư cấp ủy đồng thời là Chủ tịch UBND xã: Hiện nay, huyện Đam Rông đã bố trí được 06/08 xã đồng chí Bí thư Đảng ủy kiêm Chủ tịch HĐND xã (xã Đạ Long, Đạ Tông, Liêng Srônh, Phi Liêng, Đạ K' Nang và Đạ Rsal, 02/08 xã đồng chí Bí thư Đảng ủy kiêm Chủ tịch UBND xã (xã Rô Men, và Đạ M'Rông).



## **2. Về nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý biên chế**

- Đổi mới phương thức tuyển dụng công chức, viên chức; cơ chế đánh giá công chức, viên chức theo nguyên tắc: Cấp trên đánh giá cấp dưới, người đứng đầu đánh giá những người thuộc quyền quản lý, cấp trên trực tiếp đánh giá người đứng đầu. Chỉ đạo thực hiện nghiêm túc, chặt chẽ trong việc kiểm soát, quản lý và sử dụng biên chế cán bộ, công chức, viên chức, số lượng biên chế làm việc ở các địa phương, cơ quan, đơn vị trực thuộc theo phân cấp quản lý.

- Triển khai thực hiện nghiêm các quy định về số lượng cấp phó trong các cơ quan, tổ chức của Đảng, chính quyền, tổ chức chính trị - xã hội từ cấp huyện đến cấp cơ sở; chỉ đạo rà soát, từng bước điều chỉnh, sắp xếp những đơn vị có số lượng cấp phó vượt quá quy định. Đến nay, các cơ quan, đơn vị, địa phương đều bố trí số lượng cấp phó theo đúng quy định. Tiếp tục thực hiện cơ chế khoán kinh phí quản lý hành chính gắn với chế độ tiền thưởng để khuyến khích những người làm việc tốt, hiệu quả.

- Chỉ đạo các địa phương, cơ quan, đơn vị triển khai thực hiện nghiêm túc và đầy đủ các quy định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại cán bộ, công chức, viên chức lãnh đạo, quản lý theo hướng đề cao trách nhiệm của cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định trên cơ sở tiêu chuẩn, điều kiện và kết quả công việc.

- Thực hiện tốt cơ chế thu hút người có trình độ, tài năng vào làm việc tại các cơ quan của Đảng, Nhà nước và các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc theo quy định.

- Thường xuyên quan tâm, chỉ đạo làm tốt công tác đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức theo tiêu chuẩn chức danh, vị trí việc làm, bảo đảm theo hướng chuẩn hóa đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức ở cả cấp huyện và cấp cơ sở; chỉ đạo Trung tâm Bồi dưỡng chính trị huyện tích cực, thường xuyên đổi mới và nâng cao chất lượng công tác bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức theo hướng thiết thực.

## **C. ĐÁNH GIÁ CHUNG**

### **I. Ưu điểm và nguyên nhân**

Thực hiện Nghị quyết số 39-NQ/TW của Bộ Chính trị về tinh giản biên chế và Nghị quyết số 18, 19-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương về sắp xếp tổ chức bộ máy, Ban Thường vụ Huyện ủy đã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện và đạt nhiều kết quả quan trọng. Trong quá trình thực hiện, thường xuyên quan tâm chỉ đạo tuyên truyền và tổ chức kiểm tra, đôn đốc; qua đó, nhận thức của các cấp ủy đảng, cán bộ, đảng viên và nhân dân được nâng lên, thống nhất cao với chủ trương sắp xếp tinh gọn bộ máy và tinh giản biên chế.

Bước đầu đã sáp nhập, củng cố được một số cơ quan, đơn vị; qua sắp xếp, tổ chức bộ máy của các cơ quan, đơn vị tiếp tục được củng cố, kiện toàn theo hướng tinh gọn hơn, thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ được giao. Việc tinh giản biên chế cơ bản thực hiện đúng theo lộ trình, kế hoạch đề ra. Công tác quản lý biên chế, lao động được quan tâm, đội ngũ CBCC được sắp xếp, bố trí phân công lại phù hợp với trình độ năng lực, sở trường, vị trí việc làm; chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức ngày càng được nâng lên.

*Đạt được kết quả trên là do Ban Thường vụ Huyện ủy nhận thức được ý nghĩa, tầm quan trọng của việc sắp xếp tổ chức bộ máy, tinh giản biên chế, từ đó tập trung lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện. Các cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị thể hiện tinh thần trách nhiệm và quyết tâm trong sắp xếp tổ chức bộ máy, tinh giản biên chế ở địa phương, cơ quan, đơn vị mình lãnh đạo, quản lý bảo đảm tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả.*

## **II. Hạn chế, bất cập và nguyên nhân**

- Công tác tuyên truyền, phổ biến, quán triệt và chỉ đạo việc thực hiện rà soát, sắp xếp, tổ chức lại bộ máy, tinh giản biên chế và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức ở một số cấp ủy, tổ chức, cơ quan, đơn vị còn thiếu chủ động.

- Nhận thức của một số cấp ủy, cán bộ, công chức, viên chức và người đứng đầu cơ quan, đơn vị về việc tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả gắn với tinh giản biên chế chưa đầy đủ, có mặt còn hạn chế.

- Việc tinh giản biên chế còn chưa gắn với cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; đối tượng tinh giản biên chế phần đông là những công chức, viên chức gần đến tuổi nghỉ hưu, nghỉ hưu trước tuổi; còn một bộ phận cán bộ, công chức, viên chức chưa đáp ứng yêu cầu về tiêu chuẩn chức danh, vị trí việc làm, hạn chế năng lực công tác nhưng chưa có giải pháp hữu hiệu để tinh giản biên chế, dẫn đến tình trạng vừa thừa, vừa thiếu cán bộ ở một số cơ quan, đơn vị.

- Tinh giản biên chế gắn với đánh giá, nhận xét cán bộ, công chức, viên chức và sắp xếp lại tổ chức bộ máy, nhưng việc đánh giá cán bộ, công chức, viên chức của một số cơ quan, đơn vị chưa thật sự khách quan, chưa đúng thực chất, mức độ hoàn thành nhiệm vụ của cán bộ, công chức, viên chức; việc đánh giá cán bộ, công chức, viên chức không hoàn thành nhiệm vụ qua các năm còn ít. Từ đó, chưa có cơ sở để áp dụng chính sách tinh giản biên chế và đưa ra khỏi bộ máy những cá nhân còn hạn chế về chuyên môn, nghiệp vụ.

- Đối với các đơn vị sự nghiệp giáo dục, đào tạo mục tiêu tinh giản biên chế 10% theo Nghị quyết 39-NQ/TW còn gặp nhiều khó khăn, vướng mắc, chưa thể thực hiện đạt lý lẽ theo quy định. Vì việc sắp xếp biên chế phải theo nguyên tắc tỷ lệ giáo

viên đứng lớp cùng tỷ lệ học sinh, trong khi đó cùng với sự phát triển kinh tế - xã hội thì nhu cầu học tập, tỷ lệ học sinh ngày càng tăng cao.

*Nguyên nhân của những hạn chế, khó khăn, vướng mắc trên:* Có nguyên nhân khách quan là do một số văn bản của Trung ương hướng dẫn thực hiện sắp xếp tinh gọn tổ chức bộ máy chưa thống nhất, chậm sửa đổi, bổ sung. Nhưng nguyên nhân chủ quan vẫn là chủ yếu, nhận thức của một bộ phận cán bộ, đảng viên chưa đầy đủ, sâu sắc về sự cần thiết phải sắp xếp bộ máy, tinh giản biên chế, cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; tinh thần trách nhiệm của một số cấp ủy, lãnh đạo cơ quan, đơn vị, nhất là người đứng đầu chưa thật quyết liệt; chưa có sự tham gia tích cực của cả hệ thống chính trị trong việc sắp xếp tinh gọn tổ chức bộ máy, tinh giản biên chế; công tác kiểm tra, giám sát việc quản lý biên chế, sắp xếp tổ chức bộ máy, tinh giản biên chế, cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức chưa thường xuyên.

### **III. Một số bài học kinh nghiệm**

*Một là,* tuyên truyền, quán triệt nâng cao nhận thức của các cấp ủy đảng về chủ trương, nghị quyết của Đảng về đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy, tinh giản biên chế nhằm nâng cao nhận thức, tạo sự thống nhất trong ý chí và hành động của các cấp ủy, tổ chức đảng, sự đồng thuận của đội ngũ cán bộ, đảng viên trong triển khai thực hiện.

*Hai là,* thực hiện sáng tạo, thận trọng và đồng bộ trong sắp xếp tổ chức bộ máy, tinh giản biên chế; quyền và lợi ích của cán bộ, đảng viên là tiêu chí được đặt lên hàng đầu; đồng thời thực hiện nghiêm nguyên tắc Đảng thống nhất lãnh đạo việc đổi mới, sắp xếp và quản lý tổ chức bộ máy, biên chế của hệ thống chính trị. Bảo đảm sự lãnh đạo, chỉ đạo tập trung thống nhất của cấp ủy đảng; phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo của các cơ quan, đơn vị, địa phương và xác định rõ trách nhiệm của tập thể, cá nhân, nhất là người đứng đầu trong việc sắp xếp tổ chức bộ máy, tinh giản biên chế.

*Ba là,* phải bảo đảm tính tổng thể, đồng bộ, liên thông; kết hợp hài hòa giữa kế thừa, ổn định với đổi mới, phát triển, gắn đổi mới tổ chức bộ máy với đổi mới phương thức lãnh đạo, tinh giản biên chế, cơ cấu lại và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; thực hiện chế độ chính sách phù hợp đối với những người chịu tác động trực tiếp trong quá trình sắp xếp.

*Bốn là,* thực hiện kiên quyết tinh giản biên chế đối với những cán bộ, công chức, viên chức không hoàn thành nhiệm vụ, không đạt tiêu chuẩn quy định (phẩm chất, năng lực, sức khỏe), những người dôi dư do xác định vị trí việc làm và sắp xếp tổ chức. Phải thực hiện nghiêm túc việc đánh giá, phân loại công chức, viên chức hằng năm. Thực hiện tinh giản biên chế phải đảm bảo đúng nguyên tắc, đối tượng, trình tự, thời hạn giải quyết tinh giản biên chế.

*Năm là*, làm tốt công tác giáo dục chính trị tư tưởng, nâng cao nhận thức của cán bộ, đảng viên về đổi mới, sắp xếp tổ chức, bộ máy, tinh giản biên chế; tăng cường tuyên truyền, vận động, tạo sự thống nhất cao trong nội bộ đảng và đồng thuận trong xã hội, không để các thế lực thù địch, các phần tử xấu lợi dụng xuyên tạc, chống phá, chia rẽ đoàn kết nội bộ.

#### **D. PHƯƠNG HƯỚNG THỜI GIAN TỚI**

1. Tiếp tục tập trung lãnh đạo, chỉ đạo việc sắp xếp tổ chức bộ máy của Đảng và hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả theo tinh thần Nghị quyết số 18, 19-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương (khóa XII) gắn với việc tinh giản biên chế, cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức và Đề án vị trí việc làm với quyết tâm chính trị cao, bảo đảm tập trung, thống nhất, phát huy sức mạnh của cả hệ thống chính trị.
2. Tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục chính trị tư tưởng; qua đó, nâng cao nhận thức, trách nhiệm của các cấp, các ngành, cán bộ, công chức, viên chức, tạo sự thống nhất nhận thức và hành động trong Đảng bộ, sự đồng thuận trong xã hội.
3. Thực hiện nghiêm túc việc quản lý, sử dụng biên chế, số lượng người làm việc được giao. Cơ cấu lại đội ngũ công chức, viên chức và người lao động đảm bảo theo Đề án vị trí việc làm đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt; điều động, chuyển đổi vị trí công tác đối với đội ngũ công chức, viên chức, người lao động để nâng cao chất lượng, hiệu quả làm việc và đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ.
4. Thực hiện nghiêm túc công tác nhận xét, đánh giá cán bộ, công chức, viên chức hàng năm. Tiếp tục kiên quyết tinh giản biên chế đối với những cán bộ, công chức, viên chức không hoàn thành nhiệm vụ, không đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ, không đạt tiêu chuẩn quy định, những người dôi dư do sắp xếp lại tổ chức.
5. Tiếp tục đổi mới và nâng cao chất lượng công tác quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức nhằm xây dựng một đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức có trình độ đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ, phù hợp với tiêu chuẩn chức danh của từng vị trí việc làm.
6. Tiếp tục đẩy mạnh thực hiện kiêm nhiệm đối với một số chức danh của cán bộ, công chức từ huyện đến cấp xã, nhất là kiêm nhiệm đối với các chức danh cán bộ không chuyên trách ở cấp xã và ở thôn; Tăng cường thực hiện mô hình bí thư chi bộ kiêm trưởng thôn hoặc kiêm trưởng ban công tác Mặt trận thôn. Khoán kinh phí chi trả phụ cấp để khuyến khích giảm dần số lượng những người hoạt động không chuyên trách và tăng thu nhập của cán bộ, công chức cấp xã.
7. Đẩy mạnh phân cấp, phân quyền hợp lý giữa cấp trên và cấp dưới, gắn quyền hạn với trách nhiệm. Đẩy mạnh cải cách hành chính, ứng dụng mạnh mẽ công nghệ

- thông tin phục vụ lãnh đạo, quản lý, điều hành, góp phần nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của các tổ chức trong hệ thống chính trị.

8. Tiếp tục triển khai thực hiện mô hình Bí thư cấp uỷ đồng thời là Chủ tịch HĐND cấp xã; Bí thư cấp uỷ đồng thời là Chủ tịch UBND cấp xã ở những nơi có điều kiện.

### V. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

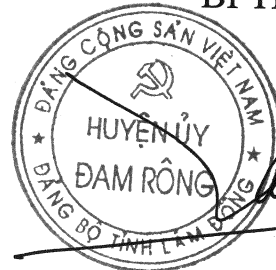
Kiến nghị, không nên cắt giảm chỉ tiêu biên chế đối với đơn vị sự nghiệp giáo dục theo quy định 10% như Nghị quyết số 39-NQ/TW, việc tinh giản biên chế ngành giáo dục cần gắn với việc đảm bảo các quy định về định mức số lượng giáo viên đối với mỗi cấp học.

Trên đây là Báo cáo tổng kết Nghị quyết 39 -NQ/TW, ngày 17 tháng 4 năm 2015 của Bộ Chính trị *“về tinh giản biên chế và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức”* của Ban Thường vụ Huyện uỷ Đam Rông.

#### Nơi nhận:

- Ban Thường vụ Tỉnh uỷ,
- Ban Tổ chức Tỉnh uỷ,
- Đ/c Nguyễn Bình Sơn – UVBTVTU  
Chỉ huy trưởng Bộ CHQS tỉnh,
- TTHU, HĐND, UBND huyện,
- Các Ban và Văn phòng Huyện uỷ,
- Các TCCSĐ trực thuộc,
- Các đồng chí Huyện uỷ viên,
- Lưu Văn phòng Huyện uỷ.

**T/M BAN THƯỜNG VỤ  
BÍ THƯ**



**Nguyễn Văn Lộc**



**ĐẢNG BỘ TỈNH LẠM ĐỒNG**  
**HUYỆN ỦY ĐAM RỒNG**

**ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM**  
*Đam Rông, ngày 29 tháng 7 năm 2021*

**BIỂU SỐ 1**  
**THÔNG KÊ SỐ LIỆU BIÊN CHẾ (NGƯỜI HƯỞNG LƯƠNG VÀ PHỤ CẤP TỪ NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC)**  
**CƠ QUAN ĐẢNG, MẶT TRẬN TỔ QUỐC VÀ CÁC TỔ CHỨC CHÍNH TRỊ - XÃ HỘI Ở ĐỊA PHƯƠNG**  
*(Kèm theo Báo cáo số 70 -BC/HU, ngày 29 /7/2021 của Ban Thường vụ Huyện ủy)*

TT	Cơ quan, đơn vị trực thuộc	Số được giao năm 2015	Số thực tế tại thời điểm 30/4/2015					Số được giao năm 2021	Số thực tế tại thời điểm 30/6/2021					Ghi chú
			Tổng số	Công chức	Biên chế sự nghiệp	Hợp đồng 68	*Hợp đồng khác		Tổng số	Công chức	Biên chế sự nghiệp	Hợp đồng 68	*Hợp đồng khác	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
	<b>TỔNG CỘNG (1+2+3+4)</b>	<b>68</b>	<b>67</b>	<b>51</b>	<b>4</b>	<b>3</b>	<b>9</b>	<b>0</b>	<b>50</b>	<b>44</b>	<b>1</b>	<b>4</b>	<b>1</b>	<b>0</b>
1	Lãnh đạo huyện	3	3	3					2	2				
2	Cơ quan Đảng	33	32	25	0	3	4	0	27	22	0	4	1	
2.1	Văn phòng	14	11	7		3	1		10	5		4	1	
2.2	Ban Tổ chức	6	6	5			1		5	5		4	1	
2.3	Cơ quan Ủy ban Kiểm tra	5	5	5										
2.4	Ban Tuyên giáo	4	5	4					4	4				
2.5	Ban Dân vận	4	5	4			1		3	3				
3	BVSN trực thuộc huyện ủy	5	4	0	4	0	0	0	5	5				
3.1	Trung tâm Chính trị	5	4		4				1	0	1	0	0	0
3.2	Đơn vị sự nghiệp khác (nếu có)		0						1		1			
4	MTQ và các tổ chức CT-XH	27	28	23	0	0	5	0	20	20	0	0	0	0
3.1	Mặt trận Tổ quốc	8	8	7			1		6	6				
3.2	Đoàn TNCS HCM	6	6	3			3		3	3				
3.3	Hội Liên hiệp Phụ nữ	6	7	6			1		4	4				
3.4	Hội Nông dân	4	4	4					4	4				
3.5	Hội Cựu chiến binh	3	3	3					3	3				

NGƯỜI LẬP BIỂU

Lê Thị Mừng





**ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM**  
Đam Rông, ngày 29 tháng 7 năm 2021

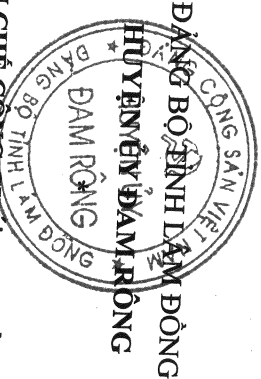
**BIỂU SỐ 2**

**TỈNH HÌNH TUYỂN DỤNG VÀ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH TÌNH GIÀN BIÊN CHẾ CƠ QUAN ĐẢNG, MTTQ VÀ CÁC TỔ CHỨC CT-XH Ở ĐỊA PHƯƠNG**  
(TUYỂN DỤNG, NGHỊ HỮU ĐỪNG TUỔI, THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH TÌNH GIÀN BIÊN CHẾ)  
(Kèm theo Báo cáo số 70 -BC/HU, ngày 29/7/2021 của Ban Thường vụ Huyện ủy)

30/4/2015 - 30/6/2021																
TT	Cơ quan, đơn vị trực thuộc	Tuyển dụng, tiếp nhận					Các trường hợp hưởng chính sách tình giảm biên chế theo Nghị định của Chính phủ								Biến động	Ghi chú
		Tổng	Thi tuyển	Xét tuyển		Nghỉ hưu đúng tuổi	Tổng	Do sắp xếp tổ chức bộ máy, nhân sự	Do cơ cấu lại theo vị trí việc làm	Chưa đạt trình độ đào tạo theo tiêu chuẩn	Do phân loại, đánh giá	Lãnh đạo quản lý thời giữ chức vụ do sắp xếp TCBM.	Các trường hợp khác			
				Thủ khoa, nhà khoa học	Có 5 năm kinh nghiệm...											
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	
	TỔNG CỘNG (G+H)	5	3	0	2	1	3	0	0	2	1	0	0	-1		
1	Cơ quan Đảng	3	3	0	0	1	1	0	0	0	1	0	0	-1		
1.1	Văn phòng															
1.2	Ban Tổ chức															
1.3	Cơ quan Ủy ban Kiểm tra	1	1											0		
1.4	Ban Tuyên giáo	1	1											-1		
1.5	Ban Dân vận															
2	ĐVSN trực thuộc huyện ủy	1	1			1	1				1			1		
2.1	Trung tâm Chính trị huyện															
3	MTTQ và các tổ chức CT-XH	2														
3.1	Mặt trận Tổ quốc				2		2			2				0		
3.2	Đoàn TNCS HCM						1			1				1		
3.3	Hội Liên hiệp Phụ nữ	1			1									-1		
3.4	Hội Nông dân															
3.5	Hội Cựu chiến binh	1			1		1			1				0		

NGƯỜI LẬP BIỂU

Lê Thị Mừng



**ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM**  
Đam Rong, ngày 29 tháng 7 năm 2021

**THÔNG KÊ SỔ LIỆU BIÊN CHẾ CÔNG CHỨC, NGƯỜI LAO ĐỘNG CƠ QUAN HÀNH CHÍNH (NGƯỜI HUỖNG LƯƠNG VÀ PHỤ CẤP TỪ NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC) THUỘC**  
**BIỂU SỐ 3**

**KHOA CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG TỰ CẤP HUYỆN TRỞ LÊN**  
(Kèm theo Báo cáo số 70 -BCHU, ngày 29 /7/2021 của Ban Thường vụ Huyện ủy)

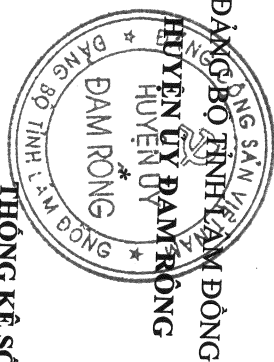
TT	Cơ quan, đơn vị trực thuộc	Số được giao năm 2015		Số thực tế tại thời điểm 30/4/2015					Số được giao năm 2021		Số thực tế tại thời điểm 30/6/2021					Ghi chú
		Công chức	HD 68 (nếu có)	Tổng số	Công chức	Hợp đồng 68	*Hợp đồng khác		Công chức	HD 68 (nếu có)	Tổng số	Công chức	Hợp đồng 68	*Hợp đồng khác		
1	2	3	4	5	6	7	8		9	10	11	12	13	14	15	
	<b>TỔNG CỘNG (A+B)</b>	<b>100</b>	<b>4</b>	<b>116</b>	<b>87</b>	<b>4</b>	<b>25</b>		<b>92</b>	<b>4</b>	<b>87</b>	<b>83</b>	<b>4</b>			
I	<b>HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN (I+II)</b>	2		2	2				4		4	4				
-	Lãnh đạo HDND huyện	2		2	2											
1	Ban Pháp chế								1		1	1				
2	Ban Kinh tế - xã hội								1		1	1				
3	Ban Pháp chế								1		1	1				
II	<b>ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN ĐAM RONG</b>	98	4	114	85	4	25		1		1	1				
1	Lãnh đạo UBND huyện	3		3	3				88	4	83	79	4			
2	Văn phòng HDND, UBND	13	4	17	10	4	3		3		3	3				
3	Phòng Kinh tế - Hạ tầng	8		10	8		2		12	4	15	11	4			
4	Phòng Giáo dục và Đào tạo	10		8	8				8		7	7				
5	Phòng Lao động - TBXH	6		9	5		4		8		7	7				
6	Phòng Nội vụ	9		10	6		4		6		6	6				
7	Phòng Nông nghiệp và PTNT	8		9	6		3		7		6	6				
8	Phòng Tài chính - Kế hoạch	10		12	10		2		9		8	8				

TT	Cơ quan, đơn vị trực thuộc	Số được giao năm 2015		Số thực tế tại thời điểm 30/4/2015				Số được giao năm 2021		Số thực tế tại thời điểm 30/6/2021				Ghi chú
		Công chức	HD 68 (nếu có)	Tổng số	Công chức	Hợp đồng 68	*Hợp đồng khác	Công chức	HD 68 (nếu có)	Tổng số	Công chức	Hợp đồng 68	*Hợp đồng khác	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
9	Phòng Tài nguyên và Môi trường	7		8	6		2	7		6	6			
10	Phòng Tư pháp	5		6	5		1	4		4	4			
11	Phòng Văn hóa và Thông tin	5		5	5			4		4	4			
12	Phòng Y tế	5		6	5		1	3		3	3			
13	Thanh tra huyện	5		6	4		2	5		5	5			
14	Phòng Dân tộc	4		5	4		1	4		3	3			

NGƯỜI LẬP BIỂU



Lê Thị Mừng



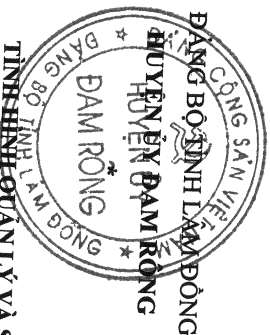
**ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM**  
Đam Rông, ngày 29 tháng 7 năm 2021

**BIỂU SỐ 4**  
**THÔNG KÊ SỐ LIỆU BIÊN CHẾ SỰ NGHIỆP, NGƯỜI LAO ĐỘNG CÁC ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP**  
**THUỘC KHỐI CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG TỪ CẤP HUYỆN TRỞ LÊN**  
(Kèm theo Báo cáo số 70 -BC/HU, ngày 29/7/2021 của Ban Thường vụ Huyện ủy)

TT	Cơ quan, đơn vị trực thuộc	Số được giao năm 2015		Số thực tế tại thời điểm 30/4/2015					Số được giao năm 2021		Số thực tế tại thời điểm 30/6/2021					Ghi chú
		Số người làm việc	HD 68 (nếu có)	Tổng số	Biên chế sự nghiệp		HD 68	*Hợp đồng khác	Số người làm việc	HD 68 (nếu có)	Tổng số	Biên chế sự nghiệp		HD 68	*Hợp đồng khác	
					Hướng lương NSNN	Từ nguồn thu sự nghiệp						Hướng lương NSNN	Từ nguồn thu sự nghiệp			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
	TỔNG CỘNG 0	1132		1120	655	0		465	1080		1077	1012	0		65	
1	Giáo dục và đào tạo	990		978	550			428	954		954	909			45	
2	Giáo dục nghề nghiệp	13		13	7			6	11		10	10				
5	Văn hóa, thể thao và du lịch	12		12	6			6	19		18	15			3	
6	Thông tin và truyền thông	9		9	9											
7	Sự nghiệp khác	108		108	83			25	96		95	78			17	

**NGƯỜI LẬP BIỂU**

Lê Thị Mừng



# BIỂU SỐ 5

**QUẢN LÝ VÀ SỬ DỤNG BIÊN CHẾ KHỐI CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG TỰ CẤP HUYỆN TRỞ LÊN**  
(TUẦN DỪNG, NGHỈ HƯU ĐỨNG TUỔI, THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH TÌNH GIÀN BIÊN CHẾ)  
(Kèm theo Báo cáo số 70 -BC/HU, ngày 29/7/2021 của Ban Thường vụ Huyện ủy)

**ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM**  
Đam Rông, ngày 29 tháng 7 năm 2021

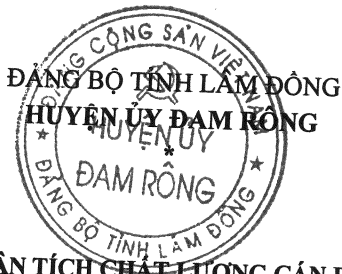
30/4/2015 - 30/6/2021															
TT	Cơ quan, đơn vị trực thuộc	Tuyển dụng, tiếp nhận				Nghỉ hưu đúng tuổi	Các trường hợp hưởng chính sách tình giãn biên chế theo Nghị định của Chính phủ							Biến động	Ghi chú
		Tổng	Thi tuyển	Xét tuyển			Tổng	Do sắp xếp tổ chức bộ máy, nhân sự	Do cơ cấu lại theo vị trí việc làm	Chưa đạt trình độ đào tạo theo tiêu chuẩn	Do phân loại, đánh giá	Lãnh đạo quản lý thời giữ chức vụ do sắp xếp TCBM.	Các trường hợp khác		
				Thủ khoa, nhà khoa học	Có 5 năm kinh nghiệm...										
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
	TỔNG CỘNG (A+B)	542	532	0	10	33	32	0	0	0	32	0	0	-477	
A	KHỐI HÀNH CHÍNH (I+II)	24	14	0	10	10	3	0	0	0	3	0	0	-11	
I	Hội đồng nhân dân (1+2)	2			2									-2	
1	Ban Pháp chế	1			1										
2	Ban Kinh tế - Xã hội														
3	Ban Dân tộc	1			1										
II	Ủy ban nhân dân (1+2)	22	14		8	10	3				3			-9	
1	Văn phòng HĐND, UBND	3	2		1	4	1				1			2	
2	Phòng Kinh tế - Hạ tầng	0					1				1			1	
3	Phòng Giáo dục và Đào tạo	2	1		1		0				1			1	
4	Phòng Lao động - TBXH	4	3		1	1	0							-2	
5	Phòng Nội vụ	1	1				0							-3	
6	Phòng Nông nghiệp và PTNT	3	2		1	1	0							-1	
7	Phòng Tài chính - Kế hoạch	2	1		1		0							-2	

30/4/2015 - 30/6/2021																
TT	Cơ quan, đơn vị trực thuộc	Tuyển dụng, tiếp nhận					Nghỉ hưu đúng tuổi	Các trường hợp hưởng chính sách tinh giản biên chế theo Nghị định của Chính phủ							Biến động	Ghi chú
		Tổng	Thi tuyển	Xét tuyển		Tổng		Do sắp xếp tổ chức bộ máy, nhân sự	Do cơ cấu lại theo vị trí việc làm	Chưa đạt trình độ đào tạo theo tiêu chuẩn	Do phân loại, đánh giá	Lãnh đạo quản lý thời giữ chức vụ do sắp xếp TCBM.	Các trường hợp khác			
				Thủ khoa, nhà khoa học	Có 5 năm kinh nghiệm...											
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	
8	Phòng Tài nguyên và Môi trường	2	1		1		0							-2		
9	Phòng Tư pháp	2	1		1		0							-2		
10	Phòng Văn hóa và Thông tin	1	1				0							-2		
11	Phòng Y tế	0					0							-1		
12	Thanh tra huyện	2	1		1	1	0							1		
13	Phòng Dân tộc	0				1	1							0		
B	KHỎI SỰ NGHIỆP (I+II+III+IV)										1			2		
IV	DVSN thuộc huyện	518	518		0	23	29									
3	Giáo dục và đào tạo	487	487			22	23				23			-466		
1	Giáo dục và đào tạo													-442		
1	Dạy nghề	5	5				0							-5		
2	Thông tin và truyền thông	4	4				0							-4		
4	Sự nghiệp kinh tế và sự nghiệp khác	22	22			1	6				6			-15		

NGƯỜI LẬP BIỂU

Lê Thị Mừng





**ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM**  
Đam Rông, ngày 29 tháng 7 năm 2021

**BIỂU SỐ 6**  
**PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG CÁN BỘ, CÔNG CHỨC VÀ HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG TRONG CÁC CƠ QUAN HÀNH CHÍNH Ở ĐỊA PHƯƠNG**

(Kèm theo Báo cáo số 70 -BC/HU, ngày 29 /7/2021 của Ban Thường vụ Huyện ủy)

STT	Nội dung	Số liệu tính tại thời điểm 30/4/2015			Số liệu tính tại thời điểm 30/6/2021			Ghi chú
		Cơ quan Đảng	MTTQ và các tổ chức CT- XH	Khối chính quyền	Cơ quan Đảng	MTTQ và các tổ chức CT- XH	Khối chính quyền	
1	2	3	4	5	9	10	11	15
	<b>Tổng số</b>	<b>35</b>	<b>28</b>	<b>116</b>	<b>28</b>	<b>21</b>	<b>87</b>	
-	Công chức	28	23	87	23	21	83	
-	Hợp đồng 68	4		4	4		4	
-	Hợp đồng khác*	3	5	25	1		0	
<b>1</b>	<b>Theo cơ cấu nữ, dân tộc</b>							
-	Nữ	11	13	37	10	9	24	
-	Dân tộc thiểu số	4	6	12	4	4	8	
<b>2</b>	<b>Theo ngạch công chức:</b>	<b>35</b>	<b>28</b>	<b>116</b>	<b>28</b>	<b>21</b>	<b>87</b>	
-	Chuyên viên cao cấp và tương đương							
-	Chuyên viên chính và tương đương	4	0	3	6	2	10	
-	Chuyên viên và tương đương	22	17	52	17	15	63	
-	Cán sự và tương đương	6	11	57	1	4	10	
-	Nhân viên và tương đương	3		4	4		4	
<b>3</b>	<b>Học hàm</b>							
-	Giáo sư							
-	Phó giáo sư							
<b>4</b>	<b>Trình độ học vấn</b>	<b>35</b>	<b>28</b>	<b>116</b>	<b>28</b>	<b>21</b>	<b>87</b>	
-	Tiến sĩ							
-	Thạc sĩ	2		4	4	1	16	
-	Đại học	24	17	64	19	18	61	
-	Cao đẳng	1	1	6	1	1	3	
-	Khác	8	10	42	4	1	7	

STT	Nội dung	Số liệu tính tại thời điểm 30/4/2015			Số liệu tính tại thời điểm 30/6/2021			Ghi chú
		Cơ quan Đảng	MTTQ và các tổ chức CT- XH	Khối chính quyền	Cơ quan Đảng	MTTQ và các tổ chức CT- XH	Khối chính quyền	
1	2	3	4	5	9	10	11	15
5	Trình độ lý luận chính trị:	26	18	48	22	21	54	
-	Cao cấp, cử nhân	13	3	15	10	5	12	
-	Trung cấp	9	12	20	12	16	42	
-	Sơ cấp	4	3	13				
6	Độ tuổi:	35	28	116	28	21	87	
-	Từ 30 trở xuống	8	10	30	2		3	
-	Từ 31-40 tuổi	18	10	55	12	14	43	
-	Từ 41-50 tuổi	5	4	15	11	1	30	
-	Từ 51-60 tuổi	4	2	16	3	4	11	
-	Trên 60 tuổi		2			2		

NGƯỜI LẬP BIỂU



Lê Thị Mừng



**ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM**  
Đam Rông, ngày 29 tháng 7 năm 2021

**BIỂU SỐ 7**  
**PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG NGƯỜI LÀM VIỆC VÀ HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG (HƯỞNG LƯƠNG NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC) TRONG CÁC ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP Ở ĐỊA PHƯƠNG**

(Kèm theo Báo cáo số 70 -BC/HU, ngày 29/7/2021 của Ban Thường vụ Huyện ủy)

STT	Nội dung	Số liệu tính tại thời điểm 30/4/2015			Số liệu tính tại thời điểm 30/6/2021			Ghi chú
		Cơ quan Đảng	MTTQ và các tổ chức CT-XH	Khối Chính quyền địa phương	Cơ quan Đảng	MTTQ và các tổ chức CT-XH	Khối Chính quyền địa phương	
1	2	3	4	5	9	10	11	15
	<b>Tổng số</b>	<b>5</b>		<b>1120</b>			<b>1077</b>	
-	Viên chức	4		655	1		1012	
-	Hợp đồng 68						0	
-	Hợp đồng khác*			465			65	
1	<b>Theo cơ cấu nữ, dân tộc</b>							
-	Nữ	2		705	1		743	
-	Dân tộc thiểu số			216			229	
2	<b>Theo chức danh nghề nghiệp viên chức</b>	<b>4</b>	<b>0</b>	<b>1120</b>	<b>1</b>	<b>0</b>	<b>1077</b>	
-	Hạng I							
-	Hạng II							
-	Hạng III	3		513			646	
-	Hạng IV			541	1		427	
-	Hạng V	1		66			0	
3	<b>Học hàm</b>							
-	Giáo sư							
-	Phó giáo sư							
4	<b>Trình độ chuyên môn</b>	<b>4</b>	<b>0</b>	<b>1161</b>	<b>1</b>	<b>0</b>	<b>1077</b>	<b>0</b>
-	Tiến sĩ							
-	Thạc sĩ			2			8	
-	Đại học	3		537	1		747	
-	Cao đẳng			311			225	
-	Khác	1		311			97	

STT	Nội dung	Số liệu tính tại thời điểm 30/4/2015			Số liệu tính tại thời điểm 30/6/2021			Ghi chú
		Cơ quan Đảng	MTTQ và các tổ chức CT-XH	Khối Chính quyền địa phương	Cơ quan Đảng	MTTQ và các tổ chức CT-XH	Khối Chính quyền địa phương	
1	2	3	4	5	9	10	11	15
5	Trình độ lý luận chính trị:	3	0	204	0	0	306	
-	Cao cấp, cử nhân						4	
-	Trung cấp	2		29			113	
-	Sơ cấp	1		175			189	
6	Độ tuổi:	4	0	1120	1	0	1077	
-	Từ 30 trở xuống			451			298	
-	Từ 31-40 tuổi	3		448	1		546	
-	Từ 41-50 tuổi	1		167			167	
-	Từ 51-60 tuổi			54			66	
-	Trên 60 tuổi							

NGƯỜI LẬP BIỂU



Lê Thị Mừng



ĐẢNG BỘ SẢN VIỆT NAM  
HUYỆN ỦY ĐÀM RỒNG

ĐẢNG CÔNG SẢN VIỆT NAM  
Đàm Rông, ngày 23 tháng 7 năm 2021

## BIỂU SỐ 8

# PHÂN TÍCH CƠ CẤU SỐ CÁN BỘ, CÔNG CHỨC VÀ NGƯỜI LAO ĐỘNG THEO PHÂN LOẠI VỊ TRÍ VIỆC LÀM TRONG CÁC CƠ QUAN HÀNH CHÍNH THUỘC CƠ QUAN ĐẢNG, MTTQ VÀ CÁC TỔ CHỨC CT-XH Ở ĐỊA PHƯƠNG

(Kèm theo Báo cáo số 70 -BC/HU, ngày 23/7/2021 của Ban Thường vụ Huyện ủy)

TT	TÊN CƠ QUAN, ĐƠN VỊ	Theo tính chất, nội dung công việc tại thời điểm 30/4/2015				Theo tính chất, nội dung công việc tại thời điểm 30/6/2021				Ghi chú
		Số người làm việc theo VTVL lãnh đạo quản lý	Số người làm việc theo VTVL nghịệp vụ chuyên ngành	Số người làm việc theo VTVL nghịệp vụ chuyên môn chung	Số người làm việc theo VTVL hỗ trợ, phục vụ	Số người làm việc theo VTVL lãnh đạo quản lý	Số người làm việc theo VTVL nghịệp vụ chuyên ngành	Số người làm việc theo VTVL nghịệp vụ chuyên môn chung	Số người làm việc theo VTVL hỗ trợ, phục vụ	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
-	Lãnh đạo huyện	3				2				
1	Cơ quan Đảng	17	9		6	12	9		6	
1.1	Văn phòng	3	2		6	2	2			
1.2	Ban Tổ chức	3	3			3	2		6	
1.3	Cơ quan Ủy ban Kiểm tra	5				3	1			
1.4	Ban Tuyên giáo	3	2			2	1			
1.5	Ban Dân vận	3	2			2	3			

TT	TÊN CƠ QUAN, ĐƠN VỊ	Theo tính chất, nội dung công việc tại thời điểm 30/4/2015					Theo tính chất, nội dung công việc tại thời điểm 30/6/2021					Ghi chú
		Số người làm việc theo VTVL lãnh đạo quản lý	Số người làm việc theo VTVL nghịệp vụ chuyên ngành	Số người làm việc theo VTVL nghịệp vụ chuyên môn chung	Số người làm việc theo VTVL hỗ trợ, phục vụ	Số người làm việc theo VTVL lãnh đạo quản lý	Số người làm việc theo VTVL nghịệp vụ chuyên ngành	Số người làm việc theo VTVL nghịệp vụ chuyên môn chung	Số người làm việc theo VTVL hỗ trợ, phục vụ			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11		
2	MTTQ và các tổ chức CT-XH	15	12		1	11	8		1			
2.1	Mặt trận Tổ quốc	4	3		1	3	2		1			
2.2	Đoàn TNCS HCM	3	3			2	1		1			
2.3	Hội Liên hiệp Phụ nữ	2	5			2	2					
2.4	Hội Nông dân	3	1			2	2					
2.5	Hội Cựu chiến binh	3				2	1					

NGƯỜI LẬP BIỂU



Lê Thị Mừng





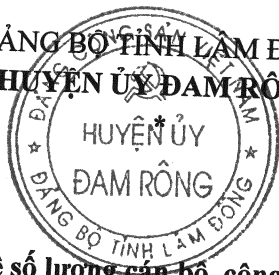
**ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM**  
Đam Rông, ngày 29 tháng 7 năm 2021

**BIỂU SỐ 9**  
**PHÂN TÍCH CƠ CẤU SỐ NGƯỜI LÀM VIỆC THEO PHÂN LOẠI VỊ TRÍ VIỆC LÀM**  
**TRONG CÁC CƠ QUAN, TỔ CHỨC HÀNH CHÍNH THUỘC KHỐI CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG**  
(Kèm theo Báo cáo số **70** -BC/HU, ngày **29** /7/2021 của Ban Thường vụ Huyện ủy)

TT	TÊN CƠ QUAN, ĐƠN VỊ	Theo tính chất, nội dung công việc tại thời điểm 30/4/2015				Theo tính chất, nội dung công việc tại thời điểm 30/6/2021				Ghi chú
		Số người làm việc theo VTVL lãnh đạo quản lý	Số người làm việc theo VTVL nghịệp vụ chuyên môn ngành	Số người làm việc theo VTVL nghịệp vụ chuyên môn chung	Số người làm việc theo VTVL hỗ trợ, phục vụ	Số người làm việc theo VTVL lãnh đạo quản lý	Số người làm việc theo VTVL nghịệp vụ chuyên ngành	Số người làm việc theo VTVL nghịệp vụ chuyên môn chung	Số người làm việc theo VTVL hỗ trợ, phục vụ	
<b>1</b>	<b>2</b>	<b>3</b>	<b>4</b>	<b>5</b>	<b>6</b>	<b>7</b>	<b>8</b>	<b>9</b>	<b>10</b>	<b>11</b>
1	Hội đồng nhân dân	2				4				
2	Ủy ban dân nhân	33	62		19	29	42		12	
2.1	Văn phòng HĐND, UBND	7	6		7	6	6		6	
2.2	Phòng Kinh tế - Hạ tầng	3	6		1	3	3		1	
2.3	Phòng Giáo dục và Đào tạo	3	3		2	3	3		1	
2.4	Phòng Lao động - TBXH	2	6		1	2	3		1	
2.5	Phòng Nội vụ	2	7		1	1	5			
2.6	Phòng Nông nghiệp và PTNT	3	5		1	2	3		1	
2.7	Phòng Tài chính - Kế hoạch	2	9		1	3	5			
2.8	Phòng Tài nguyên và Môi trường	2	5		1	2	4			
2.9	Phòng Tư pháp	2	3		1	1	2		1	
2.10	Phòng Văn hóa và Thông tin	2	2		1	1	3			
2.11	Phòng Y tế	1	4		1	1	2			
2.12	Thanh tra huyện	2	4			2	3			
2.13	Phòng Dân tộc	2	2		1	2			1	

NGƯỜI LẬP BIỂU

Lê Thị Mừng



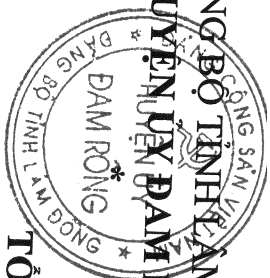
**BIỂU SỐ 10**

**Thống kê số lượng cán bộ, công chức, người hoạt động không chuyên trách ở xã, thôn, tổ dân phố**  
(Kèm theo Báo cáo số 70 -BC/HU, ngày 29/7/2021 của Ban Thường vụ Huyện ủy)

STT	Đơn vị hành chính (xã, phường, thị trấn)	Số liệu thực tế tại thời điểm		Ghi chú
		30/4/2015	30/6/2021	
1	Số lượng đơn vị hành chính cấp xã	8	8	
2	Cán bộ cấp xã	94	83	
3	Công chức cấp xã	96	85	
4	Người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã	156	78	
5	Số thôn, tổ dân phố	52	53	
6	Người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố (bao gồm tất cả những người được hưởng phụ cấp từ ngân sách nhà nước và ngân sách của địa phương)	156	123	

**NGƯỜI LẬP BIỂU**

**Lê Thị Mừng**



**Phụ lục số 1**

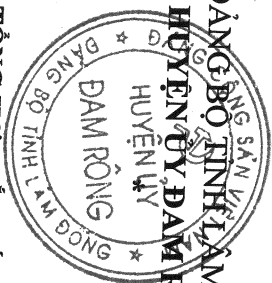
**TỔNG HỢP SẮP XẾP CƠ QUAN HÀNH CHÍNH, CẤP PHÓ THUỘC CƠ QUAN ĐẢNG, MTTQ, TỔ CHỨC CT - XH VÀ CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG**

(Kèm theo Báo cáo số 70 -BC/HU, ngày 29 /7/2021 của Ban Thường vụ Huyện ủy)

STT	Tổ chức hành chính	Số lượng tại thời điểm 30/4/2015		Số lượng tại thời điểm 30/6/2021		Tăng/giảm (+/-)		Ghi chú (ghi rõ lý do tăng, giảm)
		Số lượng tổ chức	Số lượng cấp phó	Số lượng tổ chức	Số lượng cấp phó	Số lượng tổ chức	Số lượng cấp phó	
		3	4	6	7	9	10	
<b>I</b>	<b>CÁC CƠ QUAN ĐẢNG, MTTQ VÀ CÁC TỔ CHỨC CT - XH Ở ĐỊA PHƯƠNG</b>							<b>12</b>
1	Cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc của Đảng ở cấp huyện	5	10	5	6	-	4	Do chuyển công tác và sắp xếp theo ĐAVTVL đã được phê duyệt
2	Cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc MTTQ và các tổ chức CT-XH ở cấp huyện	5	9	5	7	-	2	Sắp xếp theo Đề án VTVL đã được phê duyệt
<b>II</b>	<b>KHOA CHÍNH QUYỀN</b>	13	19	16	17	+3	2	
1	Cơ quan chuyên môn trực thuộc HĐND cấp huyện	-	-	3	3	+3	+3	Do thành lập mới theo Luật Tổ chức chính quyền địa phương
2	Cơ quan chuyên môn trực thuộc UBND cấp huyện	13	19	13	14	-	5	Do sắp xếp, tổ chức lại một số đơn vị thừa cấp phó và do nghỉ hưu

**NGƯỜI LẬP BIỂU**

**Lê Thị Mừng**



**ĐẢNG BỘ TỈNH LẠM ĐỒNG**  
**HUYỆN ỦY ĐAM RỒNG**

**ĐẢNG CÔNG SẢN VIỆT NAM**

*Đam Rong, ngày 29 tháng 7 năm 2021*

**Phụ lục số 2**

**TỔNG HỢP SẮP XẾP ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP THUỘC CƠ QUAN ĐẢNG, MTTQ, TỔ CHỨC CT - XH VÀ CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG**

*(Kèm theo Báo cáo số 70 -BC/HU, ngày 29/7/2021 của Ban Thường vụ Huyện ủy)*

Đơn vị tính: Tổ chức										
STT	ĐƠN VỊ	Tại thời điểm 30/4/2015		Tính đến thời điểm 30/6/2021				Tăng/giảm (+/-)		Ghi chú (ghi rõ lý do tăng, giảm)
		Số DVSN trả lương từ ngân sách	số người làm việc và hợp đồng lao động hưởng lương từ ngân sách	Số DVSN trả lương từ ngân sách	số người làm việc và hợp đồng lao động hưởng lương từ ngân sách	Số DVSN đã thực hiện thay thế trả lương từ ngân sách từ nguồn thu sự nghiệp	Số người làm việc và hợp đồng lao động đã thực hiện thay thế trả lương từ NS bằng việc trả lương từ nguồn thu sự nghiệp	Số DVSN trả lương từ ngân sách (9 = 5 - 3)	số người làm việc và hợp đồng lao động hưởng lương từ ngân sách (10 = 6 - 4)	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
1	Khối Đảng, MTTQ và các tổ chức CT-XH	1	4	1	1	-	-	-	3	Thực hiện theo Đề án VTVL
2	Khối chính quyền địa phương	41	1,120	38	1,077	1	50	3	43	Do sắp xếp lại tổ chức bộ máy

**NGƯỜI LẬP BIỂU**

**Lê Thị Mừng**